

Số: 1064/2020/QĐST-HNGĐ

Bình Chánh, ngày 30 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1075/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

– Bà **Mai Thị Kim L**, sinh năm 1984

– Ông **Phạm Quốc H**, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Số 4B141/1 ấp O, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Mai Thị Kim L và ông Phạm Quốc H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/2005 đăng ký ngày 30 tháng 3 năm 2005. Do đó, hôn nhân giữa bà L và ông H là hôn nhân hợp pháp.

[2] Ngày 24 tháng 9 năm 2020, bà Mai Thị Kim L và ông Phạm Quốc H nộp đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

– Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Kim L và ông Phạm Quốc H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyền số 01/2005 đăng ký ngày 30 tháng 3 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Mai Thị Kim L và ông Phạm Quốc H không còn giá trị pháp lý.

– Về con chung:

Hai bên thỏa thuận giao các trẻ Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 21/10/2007 (Giới tính: Nữ); Phạm Quốc P1, sinh ngày 24/7/2010 (Giới tính: Nam) và Phạm Thị Như Q, sinh ngày 12/11/2015 (Giới tính: Nữ) cho bà Liên trực tiếp nuôi dưỡng.

Hằng tháng, vào ngày 05 dương lịch, ông Phạm Quốc H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); bắt đầu thực hiện từ ngày 05 tháng 11 năm 2020 cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Phạm Quốc H chậm thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Mai Thị Kim L cho đến khi thi hành án xong, ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Phạm Quốc H có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

– Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Về nợ chung: Bà L và ông H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Hai bên thỏa thuận bà Mai Thị Kim L chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0080176 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- UBND X. P, H. Bình Chánh, TP. HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Tuấn Khương